TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 2 · Đề số 12

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 30 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm trong dãy: 38, 44, 50, 56, ……, 68

A. 62 **B.** 68 **C.** 61 **D.** 63

Câu 2. *(0,5 điểm)* Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất có hai chữ số khác nhau lập từ ba chữ số 0, 9, 3 là:

A. 64 **B.** 56 **C.** 63 **D.** 57

Câu 3. *(0,5 điểm)* Thảo gấp được 41 ngôi sao, như vậy Thảo gấp nhiều hơn Huy 7 ngôi sao. Huy gấp được số ngôi sao là:

A. 34 **B.** 26 **C.** 30 **D.** 48

Câu 4. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: …… − 32 = 19

A. 52 **B.** 61 **C.** 51 **D.** 41

Câu 5. *(0,5 điểm)* Đồng hồ bên chỉ mấy giờ?



A. 10 giờ 30 phút **B.** 11 giờ 30 phút

C. 10 giờ 15 phút **D.** 9 giờ 30 phút

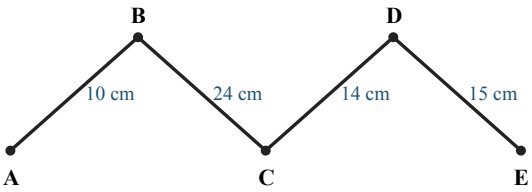
Câu 6. *(0,5 điểm)* Quân bắt đầu đi tham quan lúc 8 giờ sáng và về đến nhà lúc 11 giờ. Chuyến tham quan kéo dài:

A. 3 giờ **B.** 4 giờ **C.** 3 phút **D.** 11 giờ

Câu 7. *(0,5 điểm)* Cân thăng bằng: đĩa bên trái đặt quả bí, đĩa bên phải đặt 2 quả cân 10 kg và 3 quả cân 5 kg. Quả bí nặng:

A. 35 kg **B.** 15 kg **C.** 40 kg **D.** 5 kg

Câu 8. *(0,5 điểm)* Độ dài đường gấp khúc ABCDE là:



A. 53 cm **B.** 63 cm **C.** 48 cm **D.** 73 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho các số: 81, 28, 58, 15, 50.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé: ……

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Viết tiếp hai số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 28, 37, 46, 55, ……, ……

b) 99, 93, 87, 81, ……, ……

Câu 11. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 22 − 13 + 37 …… 26 + 26 − 13

b) 40 − 29 + 19 …… 20 − 17 + 33

c) 35 + 7 − 32 …… 11

d) 7 dm …… 67 cm

Câu 12. *(1 điểm)* Quan sát hai đồng hồ rồi viết vào chỗ chấm:

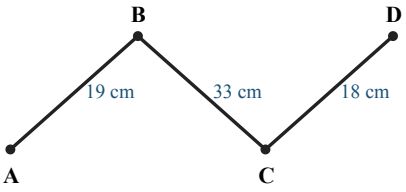




a) Đồng hồ thứ nhất chỉ …… giờ …… phút

b) Đồng hồ thứ hai chỉ …… giờ …… phút

Câu 13. *(1 điểm)* Quan sát hình vẽ rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Độ dài đường gấp khúc ABCD là: …… cm

b) Đổi ra đề-xi-mét: …… dm

Câu 14. *(1 điểm)* Hà có 41 nhãn vở. Hà cho Lan 9 nhãn vở, sau đó mẹ mua thêm cho Hà 10 nhãn vở. Hỏi lúc này Hà có bao nhiêu nhãn vở?

a) Sau khi cho Lan, Hà còn: …… nhãn vở

b) Lúc này Hà có: …… nhãn vở

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 2 · Đề số 12

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	A	C	A	A	A	B

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 81, 58, 50, 28, 15

b) 81 − 15 = 66

Câu 10.

a) Thêm 9 mỗi lần: 64, 73

b) Bớt 6 mỗi lần: 75, 69

Câu 11.

a) 46 > 39

b) 30 < 36

c) 10 < 11

d) 70 cm > 67 cm

Câu 12.

a) 10 giờ 15 phút

b) 4 giờ 30 phút (hay 4 giờ rưỡi)

Câu 13.

a) 19 + 33 + 18 = 70 (cm)

b) 70 cm = 7 dm

Câu 14.

Sau khi cho: 41 − 9 = 32 (nhãn vở)

Lúc này: 32 + 10 = 42 (nhãn vở)